TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khởi.

2. Ông Hoàng Ngọc Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 109/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1993; (có mặt).

HKTT: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh D.

Hiện ở: Thôn D, xã T, huyện C, tỉnh Y.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1990; (có mặt).

HKTT và trú tại: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị và anh Bùi Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh D vào ngày 24/9/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế; ngoài ra còn do anh Đ nghiện ma túy, mải chơi không chịu làm ăn, còn mang xe của nhà đi cắm. Chị và gia đình hai bên đã

nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Từ tháng 2/2017 chị đã bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Hà Ngọc H, sinh ngày 12/4/2013 và Bùi Đức C, sinh ngày 17/10/2015. Hiện nay cháu Hân đang ở với anh Đg, còn cháu C đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin nuôi cháu C vì cháu C còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ; đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; do mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Nếu anh Đ không đồng ý nuôi con nào thì đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập trung bình của chị là 6.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2018 và tại phiên tòa bị đơn là anh Bùi Văn Đ trình bày về thời gian, việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng và mâu thuẫn vợ chồng như chị H đã khai. Nay anh cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nên nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên tuổi và nơi ở hiện nay của các con đúng như chị H trình bày. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, anh nhất trí để chị H nuôi cháu C, đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh thay đổi lời khai theo hướng đề nghị giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng vì anh sợ tái nghiện sẽ không chăm sóc cho con được tốt; chị H tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí và không có ý kiến gì thêm. Hiện nay anh lao động tự do, thu nhập trung bình của anh từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Kết quả xác minh tại địa phương cũng như ý kiến của gia đình hai bên thể hiện: Có việc anh Đ nghiện ma túy; vợ chồng anh Đ, chị H có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ lâu. Bố đẻ anh Đ là ông Bùi Văn D và mẹ đẻ chị H là bà Nguyễn Thị Q đều ý kiến sẽ tự nguyện hỗ trợ anh Đông, chị Hiền chăm sóc con nếu anh Đ, chị H được Tòa án giao nuôi con.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn, bị đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vì vợ chồng không có khả năng đoàn tụ và các đương sự đều đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người

tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự ; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Đ. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị H nuôi cả hai con chung, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã T, huyện H, tỉnh D vào ngày 24-9-2012, là hôn nhân hợp pháp. Xem xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, thấy: Vợ chồng chị H, anh Đ sau một thời gian chung sống hạnh phúc đã nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 2/2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Bản thân chị H, anh Đ cùng xác định đến nay không còn tình cảm vợ chồng, chị Hiền xin ly hôn, anh Đ đồng ý. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Đ là phù hợp với quy định của Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về con chung: Vợ chồng chị H, anh Đ có 02 con chung là Bùi Hà Ngọc H, sinh ngày 12/4/2013 và Bùi Đức C, sinh ngày 17/10/2015. Hiện nay cháu H đang ở với anh Đ, còn cháu C đang ở với chị Hiền. Khi ly hôn anh Đông đề nghị giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, chị H nhất trí với đề nghị này của anh Đ và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị H, anh Đ đều xác định không có nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị H và anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Hà Thị H và anh Bùi Văn Đ: Giao con chung Bùi Hà Ngọc H, sinh ngày 12/4/2013 và Bùi Đức C, sinh ngày 17/10/2015 cho chị Hà Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên; anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000081 ngày 03/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh D, chị H đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thanh Hà;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T. ; huyện H*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung